TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-11-2021
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Hồ Thị Đoan Vân

2.Bà Phạm Ngọc Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn T- Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị NL, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã PV, huyện CĐ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ TT1, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã PV, huyện CĐ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị NL trình bày: Chị và anh Đỗ TT1 cưới nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2009 tại Uỷ ban nhân xã PV, huyện CĐ, tỉnh Long An. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẩn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau nên chị và anh T1 đã sống ly thân từ 15/7/2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đỗ TT1.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Đỗ TT2, sinh ngày 30/10/2009; Đỗ

Thanh N, sinh ngày 06/01/2016. Hiện Đỗ TT2 đang ở với anh T1, Đỗ Thanh N đang ở với chị L. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Đỗ Thanh N còn cháu Đỗ TT2 chị để anh T tiếp tục trực tiếp nuôi vì cháu Tâm có nguyện vọng sống với anh T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Đỗ TT1, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T không nộp văn bản nêu ý kiến cũng như không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị NL khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ TT1 là quan hệ tranh chấp ly hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Đối với anh Đỗ TT1, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị NL và anh Đỗ TT1 cưới nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2009 tại Uỷ ban nhân xã PV, huyện CĐ, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị L thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn với nhau là do vợ chồng tính tình không hợp, trong cuộc sống thường xuyên có những bất đồng dẫn đến cự cãi. Khi mâu thuẫn xảy ra, cả hai cũng không cố gắng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay, chị L nhận thấy không còn tình cảm với anh T1 nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Đối với anh T1, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vẫn không nộp cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị L và anh T1 cũng không đến Tòa án để giải quyết cho thấy anh T1 không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T1.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Đỗ TT2 sinh ngày 30/10/2009; Đỗ Thanh N, sinh ngày 06/01/2016. Hiện cháu T2 đang ở với anh T1, cháu N đang ở với chị L. Hội đồng xét xử xét nhận thấy, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay cháu Tâm đang chung sống với anh T1 đã có cuộc sống ổn định và cháu T2 cũng có đơn

nguyện vọng được ở với anh T1, tại phiên tòa hôm nay anh T1 cũng không có bất cứ ý kiến nào về vấn đề con chung, để thuận lợi cho cuộc sống ổn định sau này của cháu Đỗ TT2 và phù hợp với nguyện vọng của cháu nên cần tiếp tục giao cháu T2 cho anh T1 nuôi dưỡng. Đối với cháu Đỗ Thanh N, sinh ngày 06/11/2016 chị L có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu N cũng đang có cuộc sống ổn định với chị L nên việc chị L yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu N là có căn cứ cần được chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con."

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu N và chị L yêu cầu không cấp dưỡng nuôi cháu T2 cho anh T1. Đồng thời anh T1 cũng không có ý kiến gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị L trình bày không có, anh T1 không có ý kiến nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị NL đối với anh Đỗ TT1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị NL được ly hôn với anh Đỗ TT1.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Đỗ TT2, sinh ngày 30/10/2009; Đỗ Thanh N, sinh ngày 06/01/2016. Anh Đỗ TT1 được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ TT2, chị L được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Thanh N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con."

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có nên không đề cập.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị NL phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009528 ngày 04/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ, chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đực thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út